

TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM  
CÔNG TY THUỐC LÁ THĂNG LONG  
MST: 0100100054

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 656 /BC-TLTL

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

|                                |                 |
|--------------------------------|-----------------|
| TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM |                 |
| PHÍA BẮC                       |                 |
| <b>ĐẾN</b>                     | Số: 718         |
|                                | Ngày: 27/6/2022 |
| Chuyển: VP-KĐTV, TGDN, CƯNG    |                 |
| Số và ký hiệu HS: VP-KĐTV      |                 |

TCKT, TT, ĐT  
b/c KĐTV, BTGD

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD trong năm so với kế hoạch**

- Nhìn chung, năm 2021 thị trường nội địa của Công ty về cơ bản vẫn giữ được tốc độ tiêu thụ ổn định các sản phẩm chủ lực mang nhãn hiệu Thăng Long (Thăng Long bao cứng, Thăng Long bao mềm và Thăng Long Slim), góp phần hoàn thành tốt kế hoạch tiêu thụ thuốc bao nội địa. Thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ. Hoạt động theo mô hình Nhóm công ty đã góp phần hạn chế cạnh tranh nội bộ, hướng cạnh tranh ra ngoài.

- Bên cạnh đó, sự ổn định nền kinh tế vĩ mô cùng chính sách quản lý chặt của Nhà nước tại các vùng biên giới trong năm vừa qua, đặc biệt là khi dịch Covid -19 bùng phát đã ngăn chặn đáng kể thuốc lá nhập lậu, giúp cho các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá trong nước, trong đó có Công ty Thuốc lá Thăng Long có cơ hội để tăng trưởng sản lượng nội tiêu.

- Công ty mẹ tiếp tục cân đối hỗ trợ các công ty con gia công sản phẩm thuốc lá bao, sợi thuốc lá đảm bảo công ăn việc làm, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động của các Công ty con, đồng thời đáp ứng đủ sản lượng theo nhu cầu của thị trường.

- Trong công tác quản lý tài chính: Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, đảm bảo chính xác, kịp thời theo đúng quy định của Nhà nước; Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chủ động đề ra các giải pháp để từng bước giảm tiêu hao vật tư, giảm tỷ lệ phế phẩm, tận dụng phế liệu, hạ giá thành sản phẩm. Thực hiện đa dạng hóa các nhà cung cấp, tăng tính cạnh tranh để đảm bảo lợi thế trong thương thảo giảm giá vật tư, nguyên liệu đầu vào; Khai thác nguồn vốn vay với lãi suất bình quân thấp hơn mặt bằng lãi suất cho vay chung của hệ thống ngân hàng thương mại, tiết giảm chi phí; bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn qua các năm.

**2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.**

**2.1. Thuận lợi:**

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các Bộ ban ngành, Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, Tổng công ty, tinh thần đoàn kết, phối hợp giữa các đơn vị thành viên trong Tổng công ty nói chung và Nhóm công ty nói riêng ngày càng được củng cố và phát triển theo đúng định hướng. Hệ thống phân phối Vinataba tiếp tục phát huy hiệu quả trong dài hạn. Nhóm công ty đã phát huy và khai thác được sức mạnh



tổng hợp, mở rộng thị phần, nâng cao uy tín thương hiệu.

Nội bộ Công ty luôn thể hiện đoàn kết đồng lòng, nhận thức trong CBCNV tiếp tục được nâng lên trong xây dựng tác phong công nghiệp, áp dụng công tác quản trị tiên tiến, hiện đại, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng công việc ở mọi vị trí công tác.

Uy tín, thương hiệu và vị thế của Công ty trên thị trường được củng cố và phát triển. Công tác quản lý, quản trị hệ thống được quan tâm, đầu tư hiệu quả, lao động có kinh nghiệm, trình độ, chất lượng công việc cùng sự đoàn kết đồng lòng, nhận thức trong CBCNV tiếp tục được nâng lên là thế mạnh của Công ty trong SXKD.

## 2.2. Khó khăn:

- Khó khăn lớn nhất toàn Nhóm Công ty phải đối mặt trong năm 2021 là sự bất ổn bởi dự đoán khó lường của dịch Covid-19 xuất hiện nhiều các biến chủng mới, tình hình kinh tế -chính trị trên thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp tác động tới nền kinh tế vĩ mô, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Khó khăn nội tại từng đơn vị là dịch bệnh Covid-19 tác động ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, Công ty mẹ năng lực thiết bị cuốn điều - đóng bao vẫn thiếu nhiều so với nhu cầu sản xuất và tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Thời gian qua, Công ty đã nghiên cứu, lên phương án trong việc thuê, mượn thiết bị của các đối tác, đơn vị bên ngoài nhằm phục vụ cho sản xuất, tuy nhiên việc tìm và lựa chọn máy móc, đối tác, trình xin phê duyệt đầu tư/thuê mượn cũng mất nhiều thời gian về thủ tục, gây cho việc bố trí sản xuất bị động.

- Giá cả vật tư, nguyên phụ liệu đầu vào sản xuất tiếp tục có nhiều biến động khi tình hình dịch bệnh, lạm phát vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng kéo dài... dẫn đến xu hướng tăng giá ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

- Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật thuế, trong đó đề xuất 03 phương án áp thuế tiêu thụ đặc biệt theo phương thức hỗn hợp đối với mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà.

- Thị trường thuốc lá điếu trong nước có sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt là phân khúc trung cấp. Nhiều nhãn quốc tế có xu hướng hạ giá sản phẩm, các nhà phân phối áp dụng các chương trình quà tặng, ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu thụ thuốc lá nội địa.

- Đối với Công ty Thuốc lá Thăng Long: Công ty tiếp tục phải hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trong Nhóm Công ty do gặp khó khăn trong duy trì và phát triển thị trường nội tiêu, hạn chế xuất khẩu do dịch Covid-19. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục gặp khó khăn về nguồn vốn, vốn lưu động ròng phục vụ hoạt động SXKD thiếu, dẫn đến phải sử dụng hầu hết nguồn vốn vay cho hoạt động SXKD. Điều này phát sinh chi phí lãi vay lớn làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

- Với Công ty Thuốc lá Đà Nẵng: Sản phẩm của Công ty chủ yếu là sản phẩm cấp thấp, rất khó khăn để thâm nhập và phát triển sản lượng tiêu thụ, cân đối đầu tư kinh phí

và nhân sự để phát triển thị trường. Công ty chưa nhận được văn bản chính thức thông nhất phương án, địa điểm di dời mới trong khi cơ sở hạ tầng đã xuống cấp; xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên phụ liệu và thành phẩm thuốc điều bị ảnh hưởng bởi những quy định liên quan đến đất đai và di dời.

- Với Công ty Thuốc lá Bắc Sơn: Công ty tiếp tục gặp khó khăn trong việc phát triển thị trường nội tiêu, xuất khẩu do bị ảnh hưởng từ chính sách kiểm soát nhập khẩu thuốc lá của các quốc gia trên thế giới theo xu thế ngày càng chặt chẽ và gay gắt.

- Với Công ty Thuốc lá Thanh Hóa: Một số thị trường nội địa và xuất khẩu có sản lượng tiêu thụ lớn của Công ty vẫn tiếp tục bị tác động bởi dịch Covid-19 dẫn đến ảnh hưởng sản lượng tiêu thụ. Máy móc thiết bị sản xuất thuốc lá của Công ty thiếu đồng bộ, công nghệ lạc hậu cùng nhà xưởng đã xuống cấp ảnh hưởng đến SXKD của Công ty. Bên cạnh đó, kế hoạch tiêu thụ của Công ty JTI vẫn ở mức thấp do đó chưa thể tăng sản lượng sản xuất.

**BẢNG SỐ 1**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY**

| TT  | Chỉ tiêu                           | ĐVT       | KH 2021      | TH 2021      | Giá trị thực hiện của cả Nhóm Công ty mẹ - Công ty con |
|-----|------------------------------------|-----------|--------------|--------------|--------------------------------------------------------|
| 1   | Sản phẩm chủ yếu                   | Tr bao    | 1.475,00     | 1.652,02     | 1.862,90                                               |
| 1.1 | Nội tiêu                           | "         | 975,00       | 1.080,89     | 1.159,06                                               |
| 1.2 | Xuất khẩu                          | "         | 500,00       | 571,13       | 703,84                                                 |
| 2   | Tổng doanh thu                     | Tr đồng   | 5.423.000,00 | 6.166.899,06 | 7.081.864,60                                           |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế               | "         | 178.000,00   | 180.758,83   | 188.808,33                                             |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                 | "         | 142.400,00   | 145.281,47   | 151.658,56                                             |
| 5   | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước  | "         | 3.548.700,00 | 4.350.482,95 | 4.884.612,22                                           |
| 6   | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)  | 1.000 USD |              | 60.136,82    | 76.020,30                                              |
| 7   | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) |           |              |              |                                                        |
| 8   | Tổng số lao động                   | Người     |              | 1.554        | 2.658                                                  |
| 9   | Tổng quỹ lương                     | Tr đồng   |              | 353.289,06   | 463.870,07                                             |
| 9.1 | Quỹ lương quản lý                  | "         |              | 5.610,79     | 10.578,41                                              |
| 9.2 | Quỹ lương lao động                 | "         |              | 347.678,28   | 453.291,66                                             |

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

- Trong năm 2021, Công ty Thuốc lá Thăng Long không có dự án nhóm B được thực hiện.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

|                                                           |                        |
|-----------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Đầu tư vào Công ty con (1)</b>                         | <b>416.537.331.476</b> |
| Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn                         | 117.198.903.631        |
| Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa                       | 134.671.427.845        |
| Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng                             | 164.667.000.000        |
| <b>Đầu tư vào đơn vị khác (2)</b>                         | <b>25.098.274.800</b>  |
| Công ty Cổ phần Cát Lợi                                   | 10.698.484.800         |
| Công ty Cổ phần Hòa Việt                                  | 3.290.400.000          |
| Công ty Cổ phần Ngân Sơn                                  | 7.609.390.000          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long | 3.500.000.000          |
| <b>Cộng (1) + (2) (đồng):</b>                             | <b>441.635.606.276</b> |

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

### 1. Danh sách các Công ty mà Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Hiện tại, Công ty thuốc lá Thăng Long nắm giữ 100% vốn điều lệ tại 3 Công ty:

- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng

### 2. Đánh giá tình hình hoạt động các công ty con

Các công ty con nhìn chung đã tổ chức sản xuất, phân công bố trí lao động phù hợp với thực tế sản xuất trong điều kiện máy móc thiết bị còn lạc hậu, lao động còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Tuy nhiên, các công ty con đã khắc phục khó khăn, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ, gia công đạt và vượt sản lượng cho Công ty.

- Với Công ty Thuốc lá Đà Nẵng: Các biện pháp hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng áp dụng với Công ty trong việc di dời thời gian qua làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD của Công ty. Sản phẩm thuốc lá điều nội địa của Công ty chưa có nhãn mác tiêu thụ chủ lực nên sản lượng tiêu thụ thấp, sản xuất kinh doanh bị động, phụ thuộc nhiều vào tiêu thụ xuất khẩu và gia công thuốc lá điều. Công ty đã khảo sát các sản phẩm cùng phân khúc giá tại khu vực miền Trung và miền Nam để định hướng đưa sản phẩm mới ra thị trường cạnh tranh về chất lượng và phân khúc giá. Kết quả, Công ty đã đưa ra thị trường 2 sản phẩm mới là Sông Hàn và JEFF.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu là sản phẩm cấp thấp, rất khó khăn để thâm nhập và phát triển sản lượng tiêu thụ, cân đối đầu tư kinh phí và nhân sự để phát triển thị trường. Bên cạnh đó, UBND thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên chủ trương di dời Công ty Thuốc lá Đà Nẵng với thời gian đến hết tháng 11/2022 phải thực hiện xong (Thông báo kết luận số 669/TB-VP ngày 13/11/2021 của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng), nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản chính thức thống nhất phương án, địa điểm di dời mới trong khi hạ tầng đã xuống cấp; xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên phụ liệu và thành phẩm thuốc điều cũng không thực hiện được bởi những quy định liên quan đến đất đai và di dời.

- Với Công ty Thuốc lá Thanh Hóa: Một số thị trường nội địa và xuất khẩu có sản lượng tiêu thụ lớn của Công ty như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Indonesia, Malaysia do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 dẫn đến suy giảm sản lượng tiêu thụ. Máy móc thiết bị sản xuất thuốc lá của Công ty thiếu đồng bộ, công nghệ lạc hậu cùng nhà xưởng đã xuống cấp ảnh hưởng đến SXKD của Công ty. Bên cạnh đó, một số lao động lành nghề của Công ty nghỉ việc, lực lượng lao động mới tuyển dụng chưa thành thạo, thiếu kỹ sư, công nhân kỹ thuật tay nghề cao. Một số thị trường nội địa và xuất khẩu có sản lượng tiêu thụ lớn của Công ty vẫn tiếp tục bị tác động bởi dịch Covid-19 dẫn đến ảnh hưởng sản lượng tiêu thụ. Máy móc thiết bị sản xuất thuốc lá của Công ty thiếu đồng bộ, công nghệ lạc hậu cùng nhà xưởng đã xuống cấp ảnh hưởng đến SXKD của Công ty. Bên cạnh đó, kế hoạch tiêu thụ của Công ty JTI vẫn ở mức thấp.

Công ty đã đầu tư nâng cấp chuỗi sản phẩm mang thương hiệu Lotus, cải tiến lại sản phẩm Bông Sen truyền thống, mở rộng thêm các thị trường mới ở miền Nam, miền Trung. Nhãn thuốc Trump miền Nam, Lotus miền Bắc có hiện tượng giảm sản lượng tiêu thụ. Dù trong điều kiện dịch bệnh bùng phát tại các tỉnh phía Nam nhưng nhãn thuốc Trump vẫn giữ được sản lượng. Chuỗi sản phẩm mang thương hiệu Lotus như Lotus slim, Lotus compact bước đầu đã được thị trường chấp nhận. Các mác thuốc truyền thống như Bông Sen, Blue River đã chặn được đà sụt giảm nhưng hướng phát triển còn nhiều khó khăn.

- Với Công ty Thuốc lá Bắc Sơn: Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 từ tháng 5/2021 tại tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang đã ảnh hưởng đến việc giao hàng đến các đại lý bị ảnh hưởng. Sản phẩm tiêu thụ nội địa của Công ty chậm, sản lượng xuất khẩu bị suy giảm mạnh tác động ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty tiếp tục gặp khó khăn trong việc phát triển thị trường nội tiêu, xuất khẩu do bị ảnh hưởng từ chính sách kiểm soát nhập khẩu thuốc lá của các quốc gia trên thế giới theo xu thế ngày càng chặt chẽ và gay gắt.

### **3. Tình hình đầu tư của Công ty vào các công ty con**

#### **BẢNG SỐ 3**

#### **TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SXKD TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY NÀM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

| TT | Tên doanh nghiệp                    | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng) | Tổng tài sản (tỷ đồng) | Doanh thu (tỷ đồng) | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận nộp về công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp nhà nước (tỷ đồng) | Tổng nợ phải trả (tỷ đồng) |
|----|-------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|
| 1  | Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn   | 117,20                | 117,20                                   | 320,96                 | 334,74              | 0,66                           | 0,53                         | -                           | 205,33                                      | 203,76                     |
| 2  | Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa | 134,67                | 134,67                                   | 494,10                 | 659,91              | 6,80                           | 5,43                         | -                           | 319,22                                      | 359,43                     |
| 3  | Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng       | 164,67                | 164,67                                   | 214,59                 | 50,21               | 1,09                           | 0,92                         | -                           | 9,58                                        | 49,92                      |

#### 4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con

##### TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

| STT        | Chỉ tiêu                    | ĐVT            | KH 2021          | TH 2021          | TH 2021/<br>KH 2021 (%) |
|------------|-----------------------------|----------------|------------------|------------------|-------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Sản lượng tiêu thụ</b>   | <b>Tr bao</b>  | <b>1.745,10</b>  | <b>1.862,52</b>  | <b>106,73</b>           |
| <b>1</b>   | <b>Chia theo cơ cấu</b>     |                |                  |                  |                         |
|            | Nội tiêu                    | "              | 1.054,50         | 1.158,88         | 109,90                  |
|            | Xuất khẩu                   | "              | 690,60           | 703,64           | 101,89                  |
| <b>2</b>   | <b>Chia theo đơn vị</b>     |                |                  |                  |                         |
| <b>2.1</b> | <b>Thăng Long</b>           | <b>Tr bao</b>  | <b>1.475,00</b>  | <b>1.652,02</b>  | <b>112,00</b>           |
|            | Nội tiêu                    | "              | 975,00           | 1.080,89         | 110,86                  |
|            | Xuất khẩu                   | "              | 500,00           | 571,13           | 114,23                  |
| <b>2.2</b> | <b>Bắc Sơn</b>              | <b>"</b>       | <b>72,50</b>     | <b>47,88</b>     | <b>66,04</b>            |
|            | Nội tiêu                    | "              | 32,50            | 34,06            | 104,81                  |
|            | Xuất khẩu                   | "              | 40,00            | 13,82            | 34,54                   |
| <b>2.3</b> | <b>Thanh Hóa</b>            | <b>"</b>       | <b>192,00</b>    | <b>156,75</b>    | <b>81,64</b>            |
|            | Nội tiêu                    | "              | 46,00            | 42,58            | 92,57                   |
|            | Xuất khẩu                   | "              | 146,00           | 114,17           | 78,20                   |
| <b>2.4</b> | <b>Đà Nẵng</b>              | <b>"</b>       | <b>5,60</b>      | <b>5,86</b>      | <b>104,65</b>           |
|            | Nội tiêu                    | "              | 1,00             | 1,35             | 134,67                  |
|            | Xuất khẩu                   | "              | 4,60             | 4,51             | 98,12                   |
| <b>II</b>  | <b>Doanh thu</b>            | <b>Tr đồng</b> | <b>6.549.000</b> | <b>7.013.299</b> | <b>107,09</b>           |
|            | Thăng Long                  | "              | 5.423.000        | 6.103.198        | 112,54                  |
|            | Bắc Sơn                     | "              | 348.000          | 333.165          | 95,74                   |
|            | Thanh Hóa                   | "              | 734.000          | 658.680          | 89,74                   |
|            | Đà Nẵng                     | "              | 44.500           | 46.982           | 105,58                  |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | <b>Tr đồng</b> | <b>196.400</b>   | <b>188.808</b>   | <b>96,13</b>            |
|            | Thăng Long                  | "              | 178.000          | 180.759          | 101,55                  |
|            | Bắc Sơn                     | "              | 600              | 662              | 110,34                  |

|           |                           |                |                  |                  |               |
|-----------|---------------------------|----------------|------------------|------------------|---------------|
|           | Thanh Hóa                 | "              | 6.080            | 6.798            | 111,81        |
|           | Đà Nẵng                   | "              | 1.050            | 1.089            | 103,73        |
| <b>IV</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>Tr đồng</b> | <b>157.800</b>   | <b>151.659</b>   | <b>96,11</b>  |
|           | Thăng Long                | "              | 142.400          | 145.281          | 102,02        |
|           | Bắc Sơn                   | "              | 480              | 530              | 110,34        |
|           | Thanh Hóa                 | "              | 4.864            | 5.431            | 111,66        |
|           | Đà Nẵng                   | "              | 840              | 917              | 109,11        |
| <b>V</b>  | <b>Nộp ngân sách</b>      | <b>Tr đồng</b> | <b>4.045.536</b> | <b>4.518.599</b> | <b>111,69</b> |
|           | Thăng Long                | "              | 3.548.700        | 4.014.933        | 113,14        |
|           | Bắc Sơn                   | "              | 185.000          | 196.247          | 106,08        |
|           | Thanh Hóa                 | "              | 309.000          | 303.854          | 98,33         |
|           | Đà Nẵng                   | "              | 3.585            | 3.566            | 99,46         |

Công ty Thuốc lá Thăng Long trân trọng báo cáo! *lưu*

**Nơi nhận:**

- Cục phát triển DN- Bộ KH-ĐT;
- TCT Thuốc lá Việt Nam;
- HĐTV, Ban GD;
- Ban KS công ty, Ban KSNB;
- P.PC, VP. HĐTV, TCKT, ĐT;
- Lưu: VT, KHV.



**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**GIÁM ĐỐC**

*[Signature]*  
**Nguyễn Hữu Kiên**

